TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH SƠN** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20/6/2019
"V/v Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi ĐứcQuảng.

2. Bà Nguyễn Thị Tâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2019/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019 về việc Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2019/QĐST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Xóm M, xã Y Sơn, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu L, xã Y S, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ.

(Chị Sim có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Huấn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 15/3/2019, bản tự khai ngày 27/3/2019 nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2008 chị S kết hôn với anh Nguyễn Văn H có sự tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng với gia đình anh H tại xã Yên Sơn. Đến cuối năm 2009 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân do vợ chồng không

hòa hợp, bất đồng quan điểm thường xuyên dẫn đến cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó đến nay. Chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh H để giải phóng cho nhau ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị S trình bày vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 11/12/2009, hiện cháu đang ở với chị S từ khi vợ chồng sống ly thân. Khi ly hôn chị S xin được nuôi con chung đến khi cháu thành niên, chị tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị S trình bày vợ chồng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Phía bị đơn, anh Nguyễn Văn H không có mặt tại phiên tòa, nhưng có quan điểm tại bản tự khai ngày 03/4/2019 như sau*:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2011 anh có tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị S tại UBND xã Yên Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 đến nay không ai còn quan tâm đến nhau. Nay chị S làm đơn ly hôn, anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh H trình bày vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 11/12/2009, hiện cháu đang ở với chị S từ khi vợ chồng sống ly thân. Ly hôn anh H xin được nuôi con chung đến khi cháu thành niên, anh không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh H trình bày vợ chồng không có, ly hôn anh không có yêu cầu gì.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát*:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chấp hành không nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của đương sự qui định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 82, 83- Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn H. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị S được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 11/12/2009 cho đến khi cháu thành niên. Chị S không yêu cầu anh H phải

cấp dưỡng nuôi con chung. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ với con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị S và anh H đều xác nhận không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị S phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị S, bị đơn anh Nguyễn Văn H đều có địa chỉ tại xã Yên Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. cứ điểm a khoản 1 Điều 35, Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Ngày 06/6/2019, chị S có đơn xin xét xử vắng mặt, Bị đơn- anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H không có mặt. Căn cứ Điều 228; Điều 238- Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bài phát biểu về giải quyết nội dung vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ theo qui định tại các Điều 56, 81, 82, 83- Luật hôn nhân và gia đình 2014 bởi lẽ:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh H là hợp pháp, được chứng minh bằng thủ tục đăng ký kết hôn số 24, ngày 27/5/2008 do UBND xã Yên Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ cấp(BL01). Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên chỉ sau gần một năm chung sống, đến đầu năm 2009 vợ chồng đã phải sống ly thân từ đó cho đến nay, đã 10 năm vợ chồng không thực hiện quyền và nghĩa vụ vợ chồng với nhau. Mặc dù vợ chồng chị S, anh H đã có thời gian dài để hai bên tự hòa giải mâu thuẫn nhưng vẫn không khắc phục được. Sự thừa nhận của các đương sự tại bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ, chứng minh tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh H đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56- Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S đối với với anh H.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn H đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 11/12/2009. Xét nguyện vọng xin nuôi con của chị S và anh H là chính đáng. Nhưng điều kiện nuôi con của anh H chưa đảm bảo bởi lẽ: Tại biên bản lấy lời khai của bà Trần Thị H là mẹ đẻ anh H cũng xác định chị S vẫn nuôi cháu H từ khi sinh ra cho đến nay. Lời khai của bà Huyền phù hợp với lời khai của chị S, đủ cơ sở chứng minh đã 10 năm kể từ khi vợ chồng sống ly thân, anh H không trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh H lại thường xuyên

vắng mặt tại địa phương, chưa có nhà ở ổn định nên giao cháu H cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là không phù hợp qui định của pháp luật. Chị S đã có nhà ở và thu nhập ổn định, thực tế cháu H vẫn ở cùng chị S từ khi bố mẹ sống ly thân và có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Để đảm bảo cho cho cuộc sống hiện tại và tương lai của cháu H, cần giao con chung của anh chị là cháu Nguyễn Mạnh H cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 6 năm 2019 cho đến khi cháu thành niên, tự lực được là có căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị S không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo qui định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn H xác nhận vợ chồng không có, ly hôn anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị S tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Vào khoản 1 Điều 56, khoản 1+2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị S . Cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị S tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 11/12/2009 kể từ tháng 6 năm 2019 cho đến khi cháu thành niên, tự lực được. Chị S không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị S đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2018/0001646 ngày 21/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã Yên Sơn- huyện Thanh Sơn để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKS huyện;*
- *Chi cục THADS huyện;*
- *UBND xã Yên Sơn.;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Nguyễn Thị Bích Thủy